| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG CHU VĂN AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số:321 /TB-UBND | *Phường Chu Văn An, ngày* 09 *tháng* 10 *năm 2026* |

# THÔNG BÁO
## Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 16 ngày 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Thông tư số 126/2026/TT-BTC ngày 24/8/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại điều 25 Luật tiếp cận thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho công dân của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Chu Văn An về việc ban hành Danh mục thông tin phải công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của UBND phường Chu Văn An;

Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An thông báo Danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện thuộc phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân phường như sau:

### I. DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI

### 1. Các thông tin phải được công khai

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An, các nhóm thông tin phải được công khai gồm:

a) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Uỷ ban nhân dân phường; báo cáo công tác định kỳ; thông tin thống kê về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

b) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị; hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung phải công khai theo quy định của pháp luật; thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách thuộc phạm vi quản lý.

c) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan, đơn vị ban hành; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ và kết quả thực hiện theo quy định.

d) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; báo cáo tài chính năm; dự toán, tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; các khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn; thủ tục ngân sách nhà nước; thông tin về thuế, phí, lệ phí.

đ) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn viện trợ phi chính phủ; quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân và các loại quỹ theo quy định.

e) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

g) Thông tin về tài sản công; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; tình hình và kết quả thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công; kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu phải công khai theo quy định.

h) Kết luận thanh tra; báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo kiểm toán sau khi phát hành và các thông tin về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán theo quy định của pháp luật; chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

i) Thông tin về xử phạt vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực pháp luật quy định phải công khai; thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi phải công khai theo quy định.

k) Thông tin về quy hoạch thuộc phạm vi phải công khai theo quy định của pháp luật.

l) Thông tin về kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; kết quả điều tra, đánh giá đất đai và các thông tin khác về quản lý, sử dụng đất phải công khai theo quy định.

m) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, giám sát liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động và các thông tin khác thuộc phạm vi phải công khai theo quy định.

n) Thông tin về chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, thông tin về sự cố môi trường, các nguồn thải và các thông tin môi trường khác phải công khai theo quy định.

o) Thông tin về cơ sở giáo dục, thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục; điều kiện bảo đảm chất lượng, kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

p) Thông tin về thị trường lao động; tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức;

danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học; danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ theo quy định.

q) Thông tin về dịch vụ và quy trình, thời hạn xử lý, kết quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; quy trình, thời hạn xử lý và kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

r) Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nền tảng số dùng chung và kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định.

s) Danh mục thông tin phải được công khai; tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu.

t) Danh mục, danh sách về di sản văn hóa, nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương nơi có di tích.

u) Các thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

**2. Công khai các thông tin khác**

Ngoài các thông tin quy định tại Mục 1, căn cứ điều kiện và khả năng thực tế, Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An chủ động công khai các thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ nhằm bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

**3. Lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai**

Danh mục thông tin phải được công khai được lập, cập nhật theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP. Danh mục chi tiết phải thể hiện các thông tin theo quy định, gồm: tên, số, ký hiệu của văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; ngày, tháng, năm tạo ra văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; hình thức công khai; trường hợp thông tin đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hoặc cơ sở dữ liệu khác thì thực hiện chỉ dẫn địa chỉ truy cập theo quy định.

*(Phụ lục 1 kèm theo)*

**II. DANH MỤC THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN**

Theo Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An bao gồm các nội dung sau:

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

3. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

*(Phụ lục 2 kèm theo)*

## III. DANH MỤC CÁC THÔNG TIN CÔNG DÂN KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN

Theo Điều 15 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Danh mục thông tin công dân không được tiếp cận của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An bao gồm các nội dung sau:

1. Thông tin thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định của pháp luật dân sự và dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin.

3. Bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin.

4. Thông tin mà nếu cung cấp sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp hoặc tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc người khác. Việc xác định thông tin tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa quy định, căn cứ vào điều kiện thực tế, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cung cấp thông tin.

5. Thông tin thuộc bí mật công tác do cơ quan, đơn vị xác định theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan, đơn vị; tài liệu do cơ quan, đơn vị soạn thảo cho công việc nội bộ.

## IV. CÁC HÌNH THỨC CÔNG KHAI

1. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An.

2. Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An và các địa điểm dễ tiếp cận khác.

3. Thông qua các hình thức khác thuận lợi cho công dân tiếp cận theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ.

**V. ĐỊA CHỈ TIẾP NHẬN VÀ ĐẦU MỐI CUNG CẤP THÔNG TIN**

- UBND phường Chu Văn An, số Số 356 đường Nguyễn Trãi, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Email: phuongchuvanan@mail.haiphong.gov.vn.

- Thông tin đầu mối cung cấp thông tin: Đồng chí Đinh Hương Nga. Chức vụ: Công chức Văn phòng HĐND và UBND phường Chu Văn An. Số điện thoại: 0372.217.704. Địa chỉ Email: dinhuongnga78@mail.haiphong.gov.vn.

Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An thông báo đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân biết, thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

U.B.N.D PHƯỜNG CHU VĂN AN T.P HẢI PHÒNG

**Nguyễn Thị Hòa**

# PHỤ LỤC 1
## DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI

| Số TT | Nội dung | Đơn vị cung cấp |
|---|---|---|
| 01 | Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của UBND phường; báo cáo công tác định kỳ; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; | Các phòng chuyên môn, đơn vị |
| 02 | Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị.<br>Hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý | Các phòng chuyên môn, đơn vị |
| 03 | Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan, đơn vị ban hành; định mức, tiêu chuẩn, chế độ, kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; | Các phòng chuyên môn, đơn vị |
| 04 | Các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn | Các phòng chuyên môn, đơn vị |
| 05 | Thông tin việc xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dược, lao động, xây dựng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo vệ môi trường, thuế, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, đo lường, sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội; thông tin về việc người sử dụng lao động chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; | Phòng Văn Hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế; Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |

| | | |
|---|---|---|
| 06 | Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động; thông tin về an toàn hóa chất; thông tin về danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động; kết quả đánh giá chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thời gian làm việc và danh sách người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thông tin về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vi phạm pháp luật về y tế; | Phòng Văn Hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế; Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 07 | Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; báo cáo tài chính năm; dự toán ngân sách nhà nước, tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính hằng năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thủ tục ngân sách nhà nước; thông tin về thuế, phí, lệ phí; | Phòng Kinh tế |
| 08 | Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ; | Phòng Kinh tế |
| 09 | Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; | Phòng Kinh tế |
| 10 | Thông tin về tài sản công theo quy định của pháp luật; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về dự án đầu tư kinh doanh; kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu; | Phòng Kinh tế |
| 11 | Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nền tảng số dùng chung; kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số; | Phòng Kinh tế |

| | | |
|---|---|---|
| 12 | Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nền tảng số dùng chung; kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số; | Phòng Kinh tế |
| 13 | Thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học | Văn phòng HĐND và UBND phường |
| 14 | Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định; tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu; | Văn phòng HĐND và UBND phường |
| 15 | Thông tin về quy hoạch thuộc phạm vi phải công khai theo quy định của pháp luật. | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 16 | Thông tin về kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; kết quả điều tra, đánh giá đất đai; quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; mốc giới sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn; | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 17 | Danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở đang triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố; kết luận kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư; kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; thu hồi, cưỡng chế bàn giao nhà ở công vụ; quyết định di dời nhà chung cư; cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội; | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 18 | Thông tin về chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, thông tin về sự cố môi trường, các nguồn thải và các thông tin môi trường khác phải công khai theo quy định | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 19 | Thông tin chung về cơ sở giáo dục; thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục; điều kiện bảo đảm chất lượng, kế hoạch và kết quả hoạt động đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 20 | Danh mục, danh sách về di sản văn hóa, nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương nơi có di tích; | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 21 | Thông tin thị trường lao động theo quy định của pháp luật về việc làm; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; danh mục hồ sơ, | Phòng Văn hóa - Xã hội |

| | | |
|---|---|---|
| | tài liệu lưu trữ; | |
| 22 | Đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác | Phòng Văn Hóa - xã hội |
| 23 | Thông tin về dịch vụ và quy trình, thời hạn xử lý và kết quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu của đơn vị; quy trình, thời hạn xử lý và kết quả xử lý cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thông tin về bảo đảm chất lượng dịch vụ công trực tuyến theo quy định; kết quả đánh giá mức độ phổ cập và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến; | Phòng Văn hóa - xã hội; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; |
| 24 | Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật. | Các phòng chuyên môn, đơn vị |

# PHỤ LỤC 2
## DANH MỤC THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

| Số TT | Nội dung | Đơn vị chủ trì rà soát |
|---|---|---|
| 01 | Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý. Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. | Phòng chuyên môn, đơn vị tạo ra/quản lý thông tin |
| 02 | Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý. | Phòng Kinh tế |
| 03 | Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | Phòng chuyên môn, đơn vị quản lý tài liệu |
| 04 | Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại số thứ tự 01 và 02 nêu trên. | Phòng chuyên môn, đơn vị tạo ra thông tin, Văn phòng HĐND và UBND làm đầu mối |